

Số: 08/2019/NQ-HĐND

Khánh Hòa, ngày 11 tháng 12 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

Về số lượng, chức danh đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; mức phụ cấp, mức phụ cấp kiêm nhiệm đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn, tổ dân phố; mức bồi dưỡng đối với người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố và mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã và ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA
KHÓA VI, KỲ HỌP THỨ 9**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Xét Tờ trình số 11824/TTr-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 63/BC-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2019 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến tiếp thu, giải trình của Ủy ban nhân dân tỉnh về báo cáo thẩm tra (văn bản số 226/BC-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh) và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định chức danh, mức phụ cấp của người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã) và ở thôn, tổ dân phố như sau:

1. Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã gồm 14 chức danh. Chức danh, mức phụ cấp của mỗi chức danh quy định tại Phụ lục I kèm theo;

2. Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố gồm 03 chức danh. Chức danh, mức phụ cấp của mỗi chức danh quy định tại Phụ lục II kèm theo;

3. Người tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố ngoài 03 chức danh quy định tại Khoản 2 Điều này được hưởng bồi dưỡng khi trực tiếp tham gia vào công việc của thôn, tổ dân phố từ đoàn phí, hội phí khoán cho các đoàn thể và từ các nguồn quỹ khác (nếu có).

Điều 2. Số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã

1. Số lượng người hoạt động không chuyên trách ở đơn vị hành chính cấp xã được bố trí theo Quyết định phân loại đơn vị hành chính ở xã, phường, thị trấn:

- a) Loại 1: 14 người;
- b) Loại 2: 12 người;
- c) Loại 3: 10 người.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện quy định việc bố trí, bổ trí kiêm nhiệm đối với các chức danh hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn, tổ dân phố cho từng đơn vị hành chính ở cấp xã và ở thôn, tổ dân phố.

Điều 3. Chế độ bảo hiểm y tế và bảo hiểm xã hội

Chế độ bảo hiểm y tế và bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ.

Điều 4. Mức phụ cấp kiêm nhiệm

1. Cán bộ, công chức cấp xã kiêm nhiệm chức danh hoạt động không chuyên trách ở cấp xã mà giảm được 01 người trong số lượng quy định cho từng xã thì được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm bằng 50% mức phụ cấp của chức danh kiêm nhiệm.

2. Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn, tổ dân phố nếu kiêm nhiệm chức danh không chuyên trách khác mà giảm được người trong số lượng quy định cho từng xã hoặc từng thôn, tổ dân phố thì được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm bằng 70% mức phụ cấp của chức danh kiêm nhiệm.

3. Trường hợp kiêm nhiệm nhiều chức danh cũng chỉ được hưởng 01 mức phụ cấp kiêm nhiệm cao nhất. Phụ cấp kiêm nhiệm chức danh không dùng để tính đóng, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

Điều 5. Mức bồi dưỡng người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố

Người trực tiếp tham gia vào công việc của thôn, tổ dân phố được hưởng mức bồi dưỡng là 55.000 đồng/01 ngày (Năm mươi lăm ngàn đồng chẵn).

Điều 6. Chế độ nghỉ việc

1. Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn, tổ dân phố không thuộc đối tượng hưởng chế độ hưu trí, mất sức, nếu không vi phạm kỷ luật buộc thôi việc hoặc bãi nhiệm thì được hưởng trợ cấp một lần, mức trợ cấp

được tính cứ mỗi năm công tác bằng một phần hai ($\frac{1}{2}$) tháng phụ cấp của chức danh đảm nhận chính khi nghỉ việc. Đối với những chức danh người hoạt động không chuyên trách được cơ quan có thẩm quyền ở Trung ương quy định chế độ trợ cấp nghỉ việc cao hơn mức quy định tại Nghị quyết này thì hưởng theo mức cao hơn đó.

2. Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn, tổ dân phố nếu trước đây đã là cán bộ, công chức trong số lượng quy định của Chính phủ được chuyển sang đảm nhận chức danh những người hoạt động không chuyên trách mà chưa được hưởng chế độ trợ cấp nghỉ việc, nay tiếp tục hoạt động không chuyên trách thì khi nghỉ việc, được cộng dồn thời gian công tác vào thời gian tính trợ cấp nghỉ việc theo Nghị quyết này.

3. Thời gian công tác có tháng lẻ để giải quyết chế độ nghỉ việc đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn, tổ dân phố theo quy định tại Khoản 1 Điều này được thực hiện như sau:

a) Nếu thời gian công tác có tháng lẻ từ đủ 06 tháng đến dưới 01 năm được tính tròn 01 năm công tác;

b) Nếu thời gian công tác có tháng lẻ từ đủ 03 tháng đến dưới 06 tháng được tính một phần hai ($\frac{1}{2}$) năm công tác;

c) Nếu thời gian công tác có tháng lẻ dưới 03 tháng thì không tính.

4. Sau khi bố trí các chức danh hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn, tổ dân phố theo quy định tại Điều 1, Điều 2 của Nghị quyết này, những người hoạt động không chuyên trách bị dôi dư nếu địa phương không sắp xếp, bố trí được công tác khác thì giải quyết chế độ nghỉ việc theo quy định tại Khoản 1, 2, 3 của Điều này.

Điều 7. Khoản kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã và ở thôn, tổ dân phố

1. Đối với các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã:

a) Ban Thanh tra nhân dân cấp xã: 5.000.000 đồng/ban/năm;

b) Ban Chấp hành Hội Người cao tuổi cấp xã, Ban Tuyên giáo Đảng ủy cấp xã: 1.500.000 đồng/ban/năm.

2. Đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở thôn, tổ dân phố:

a) Ban Công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố: 3.500.000 đồng/ban/năm.

b) Chi hội Phụ nữ, Chi hội Cựu chiến binh, Chi hội Nông dân và Chi đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh: 4.000.000 đồng/chi hội/năm.

3. Kinh phí khoán được chi cho các hoạt động sau:

a) Mua văn phòng phẩm phục vụ cho công tác;

b) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, vận động Nhân dân thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước;

c) Hoạt động hội họp; công tác hòa giải; kiểm tra, giám sát các hoạt

động theo chức năng của mỗi tổ chức;

d) Các khoản chi khác liên quan đến hoạt động của tổ chức.

đ) Chi bồi dưỡng cho người tham gia vào công việc của thôn, tổ dân phố có liên quan đến tổ chức.

Điều 8. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách theo Nghị quyết này do ngân sách cấp xã đảm nhận. Trường hợp ngân sách cấp xã không cân đối được, ngân sách cấp trên xem xét, bổ sung.

2. Căn cứ số lượng, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn, tổ dân phố, mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã và ở thôn, tổ dân phố, Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện việc khoán quỹ phụ cấp và kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã và ở thôn, tổ dân phố.

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 33/2016/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp, chế độ đối với người hoạt động không chuyên trách và mức hỗ trợ kinh phí hoạt động cho các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở xã, phường, thị trấn và ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa Khóa VI, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2019 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2020./.

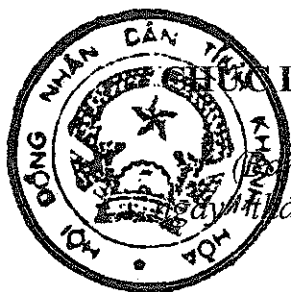
Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nội vụ;
- Bộ Tư pháp - Cục KTVBQPPL;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh, Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP Tỉnh ủy, các Ban đảng;
- VP HĐND, VP UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- Sở Tư pháp (Phòng Kiểm tra VBQPPL);
- HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Trung tâm Công báo tỉnh (2 bản);
- Lưu: VT, TN.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Tấn Tuân



Phụ lục I

**CHỨC DANH, MỨC PHỤ CẤP CỦA NGƯỜI HOẠT ĐỘNG
KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở CẤP XÃ**

*(Thực hành kèm theo Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND
ngày 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa)*

TT	Chức danh	Mức phụ cấp (so với mức lương cơ sở)
1	Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	1,1
2	Phó Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	1,0
3	Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ	1,0
4	Phó Chủ tịch Hội Nông dân	1,0
5	Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh	1,0
6	Phó Trưởng Công an xã (đối với xã chưa bố trí công an chính quy)	1,4
7	Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã	1,4
8	Công an viên thường trực ở xã (đối với xã chưa bố trí công an chính quy)	1,1
9	Nhân viên thú y	1,2
10	Người làm công tác văn phòng Đảng ủy	1,4
11	Người làm công tác quản lý Nhà văn hóa - Công tác ở Đài truyền thanh	1,2
12	Người làm công tác tiếp nhận và trả kết quả	1,2
13	Chủ tịch Hội Người cao tuổi	1,0
14	Chủ tịch Hội chữ thập đỏ	1,0

Phụ lục II
CHỨC DANH, MỨC PHỤ CẤP CỦA NGƯỜI HOẠT ĐỘNG
KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở THÔN, TỔ DÂN PHỐ
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 08 /2019/NQ-HĐND
ngày 11 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

TT	Quy mô thôn, tổ dân phố	Mức phụ cấp (so với mức lương cơ sở)		
		Bí thư Chi bộ thôn, tổ dân phố	Trưởng thôn, Tổ trưởng Tổ dân phố	Trưởng ban công tác Mặt trận
1	Thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên, thôn thuộc xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; thôn thuộc xã biên giới hoặc hải đảo.	1,7	1,7	1,6
2	Đối với các thôn, tổ dân phố còn lại	1,05	1,05	0,9